

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực một phần
thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp năm 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTP ngày /01/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN					
I.1. LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP					
1.	Luật của Quốc hội	Số 54/2010/QH12; ngày 17/6/2010; Trọng tài thương mại	Khoản 3 Điều 7.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15.	01/7/2025
2.	Luật của Quốc hội	Số 01/2016/QH14; ngày 17/11/2016; Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số	Khoản 2 Điều 3; Điều 4; khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 5; khoản 2 Điều 7; điểm c khoản 1, điểm b và điểm d khoản 2, điểm a và điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 9;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		16/2023/QH15.	khoản 2 và khoản 3 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 1, khoản 4 Điều 13; điểm b khoản 1 Điều 14; khoản 4 Điều 15; điểm b và điểm c khoản 1 Điều 16; điểm b khoản 5 Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 19; điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 24; khoản 1 Điều 25; khoản 1 Điều 26; khoản 1 Điều 28; điểm a và điểm c, điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 34; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 35; Điều 36; Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 39; điểm d khoản 2 Điều 41; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 42; Điều 43; điểm d khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 49; khoản 1 Điều 50; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 53; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 57; Điều 59; điểm a khoản 2 Điều 62; Điều 70; khoản 4 Điều 72; Điều 73; điểm d, điểm e, điểm g khoản 2 Điều 77.	Lưu ý: - Trường hợp người có tài sản đấu giá đã thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa có kết quả lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá tiếp tục thực hiện việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15. - Trường hợp người có tài sản đấu giá và tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì việc tổ chức	

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				<p>đấu giá được tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15.</p> <p>- Trường hợp người được miễn đào tạo nghề đấu giá đang tập sự hành nghề đấu giá hoặc đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề đấu giá theo quy định của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, khi đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá thì việc cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá được tiếp tục thực hiện quy định của Luật Đấu giá tài sản</p>	

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				số 01/2016/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15.	
			Cụm từ “hồ sơ tham gia tổ chức đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản” tại khoản 3 Điều 56.	Thay thế bằng “hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “tổ chức đấu giá tài sản” tại Điều 1; khoản 1 Điều 2; khoản 4 và khoản 12 Điều 5; khoản 3 Điều 6; điểm b khoản 2 Điều 8; khoản 2 Điều 9; tên Chương II; khoản 2 và khoản 3 Điều 13; điểm d, điểm đ khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 19; Điều 20; tên Mục 2 Chương II; Điều 24; Điều 33; khoản 1 Điều 34; điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 35; khoản 1, khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 38; khoản 7 Điều 39; khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 42; khoản 4 Điều 44; Điều 45; khoản 2 Điều 46;	Thay thế bằng “tổ chức hành nghề đấu giá tài sản” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			điểm c khoản 1 Điều 47; khoản 2 và khoản 3 Điều 52; khoản 1 Điều 53; Điều 56; điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 57; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 60; khoản 2 Điều 64; khoản 1 và khoản 2 Điều 66; Điều 67; tên Điều và khoản 2 Điều 69; khoản 1 Điều 72; điểm d khoản 1 Điều 79.		
			Cụm từ “Chính phủ” tại: khoản 2 Điều 2; điểm c khoản 1 Điều 8; điểm c khoản 1 Điều 18; điểm d khoản 1 Điều 19; Điều 20; Điều 64; các khoản 1, 2 và 3 Điều 65; tên Điều và khoản 2 Điều 69.	Thay thế bằng “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “bán thông qua đấu giá” tại tên Chương IV; tên Điều 55; khoản 1 Điều 60.	Thay thế bằng “đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “bán đấu giá” tại khoản 5 Điều 5; điểm g khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 64.	Thay thế bằng “đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Cụm từ “Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản” tại khoản 1 Điều 56.	Thay thế bằng “Cổng Đấu giá tài sản quốc gia” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá” tại điểm c khoản 6 Điều 33; điểm b khoản 3 Điều 65.	Thay thế bằng “hồ sơ mời tham gia đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “hồ sơ đấu giá” tại điểm a khoản 3 Điều 65.	Thay thế bằng “hồ sơ mời tham gia đấu giá, hồ sơ tham gia đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “hồ sơ đấu giá” tại điểm d khoản 2 Điều 78.	Thay thế bằng “hồ sơ mời tham gia đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá” tại điểm đ khoản 2 Điều 56.	Thay thế bằng “hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản”	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	
			Cụm từ “tham gia cuộc đấu giá” tại điểm c khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều 9; điểm a khoản 6 Điều 39; khoản 4 Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 62; điểm b khoản 3 Điều 65.	Thay thế bằng “tham dự phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “điều hành cuộc đấu giá” tại điểm đ khoản 1 Điều 19; điểm a khoản 6 Điều 33; điểm b khoản 4 Điều 38; khoản 2 Điều 44; Điều 51.	Thay thế bằng “điều hành phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “tại cuộc đấu giá” tại khoản 2 Điều 44; Điều 51.	Thay thế bằng “tại phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “tổ chức cuộc đấu giá” tại điểm c khoản 1 Điều 65.	Thay thế bằng “tổ chức phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “Cuộc đấu giá phải do đấu	Thay thế bằng “Phiên đấu	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			giá viên điều hành” tại khoản 4 Điều 6.	giá phải do đấu giá viên điều hành” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	
			Cụm từ “Diễn biến của cuộc đấu giá” tại khoản 2 Điều 44.	Thay thế bằng “Diễn biến của phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Cụm từ “cuộc đấu giá” tại điểm c khoản 5 Điều 9; khoản 3 Điều 13; điểm c, điểm d khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 19; điểm đ khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 24; điểm g khoản 2 Điều 34; điểm a và điểm b khoản 1 Điều 40; tên Điều và câu dẫn khoản 1 Điều 41; tên Điều, khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 42; điểm b và điểm d khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 49; khoản 2 và khoản 3 Điều 50; điểm b và điểm c khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 60; khoản 1 Điều 61; điểm a và điểm b khoản	Thay thế bằng “phiên đấu giá” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			1 Điều 62; điểm c khoản 1 Điều 63; điểm b khoản 1 Điều 65.		
			Cụm từ “hòm phiếu” tại điểm a khoản 3 Điều 42.	Thay thế bằng “thùng phiếu” tại Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
			Điều 12; điểm c, d, đ khoản 1 và khoản 3 Điều 14; điểm h khoản 2 Điều 24; điểm đ khoản 2 Điều 29; khoản 4 Điều 40; khoản 3 Điều 49; khoản 3 Điều 53; điểm d khoản 4 Điều 56; điểm h khoản 2 Điều 65; khoản 5 Điều 72; Điều 76; điểm c khoản 1 Điều 79.	Bị bãi bỏ bởi Luật số 37/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.	01/01/2025
3.	Nghị định của Chính phủ	Số 63/2011/NĐ-CP; ngày 28/7/2011; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trọng tài thương mại được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 124/2018/NĐ-CP	Điều 5; khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 10; khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 11; khoản 1 Điều 22; khoản 2 và khoản 3 Điều 23.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	29/5/2025
			Khoản 2 Điều 22	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP.	29/5/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		ngày 19/9/2018 của Chính phủ			
4.	Nghị định của Chính phủ	Số 123/2013/NĐ-CP; ngày 14/10/2013; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	Khoản 1, khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 1 Điều 36.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ- CP.	29/5/2025
5.	Nghị định của Chính phủ	Số 22/2015/NĐ-CP; ngày 16/2/2015; Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	Điều 4; khoản 3 Điều 5; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 6; khoản 1 và khoản 2 Điều 9; khoản 2 Điều 12; khoản 1 và khoản 2 Điều 15; điểm c khoản 2 Điều 24.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ- CP.	29/5/2025
			Mẫu TP-QTV-01; Mẫu TP-QTV- 02; Mẫu TP-QTV-03; Mẫu TP- QTV-04; Mẫu TP-QTV-05; Mẫu TP-QTV-08.	Thay thế bằng Mẫu TP- QTV-01; Mẫu TP-QTV- 02; Mẫu TP-QTV-03; Mẫu TP-QTV-04; Mẫu TP-QTV-05; Mẫu TP- QTV-08 ban hành kèm theo Nghị định số	29/5/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				112/2025/NĐ-CP.	
			Khoản 2 Điều 22	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP.	29/5/2025
6.	Nghị định của Chính phủ	Số 23/2015/NĐ-CP; ngày 16/02/2015; Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	Khoản 4 Điều 5	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 104/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng.	01/7/2025
			Khoản 2, 3, 4 và 9 Điều 2; Điều 5; Điều 6; khoản 2 Điều 12; khoản 4 Điều 13; Điều 17; Điều 19; Điều 28; Điều 29; Điều 31; khoản 1 Điều 36; Điều 43; Điều 47.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ- CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
			Cụm từ “bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Giấy chứng nhận căn cước/Hộ	Thay thế bằng cụm từ “Một trong các giấy tờ sau: Căn cước điện tử; bản chính hoặc bản sao của	01/11/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng hoặc Căn cước điện tử” tại điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 40.	Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế còn giá trị sử dụng” tại Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “Giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu/giấy tờ xuất nhập cảnh/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế” tại khoản 2 Điều 25.	Thay thế bằng cụm từ “Căn cước điện tử hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Thẻ căn cước hoặc Giấy chứng nhận căn cước hoặc Hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất nhập cảnh hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế” tại Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
			Cụm từ “hợp đồng, giao dịch” tại tên của Nghị định, tên Chương III và tại các điều, khoản: Điều 1; khoản 8 Điều 2; tên và khoản 4 Điều 3; khoản 3 Điều 9; khoản 1 Điều 10; Điều 11; khoản 3 Điều 14; khoản 4	Thay thế bằng “giao dịch” tại Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Điều 25 và tại các Điều 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40.		
			Cụm từ “lệ phí” tại khoản 3 Điều 10; khoản 4 Điều 14; tên và khoản 1, khoản 2 Điều 15.	Thay thế bằng “phí” tại Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
			Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP	Thay thế bằng Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu sổ chứng thực kèm theo Nghị định số 280/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
7.	Nghị định của Chính phủ	Số 22/2017/NĐ-CP; ngày 24/2/2017; Về hòa giải thương mại	Khoản 2 Điều 8; Điều 21; khoản 1 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 3 Điều 25; Điều 26; Điều 27; khoản 2 và khoản 3 Điều 30; khoản 2, khoản 3, khoản 4, điểm c khoản 5, khoản 7 Điều 31; Điều 36; khoản 1 Điều 37;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	29/5/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Điều 38; Điều 39; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 40; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 41; khoản 2 Điều 42.		
			Khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 42.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 112/2025/NĐ-CP.	29/5/2025
8.	Nghị định của Chính phủ	Số 104/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng	Điều 64.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
9.	Nghị định của Chính phủ	Số 120/2025/NĐ-CP; ngày 11/6/2025; Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp	Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17 và khoản 2 Điều 24.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
10.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 01/2010/TT-BTP; ngày 09/02/2010; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ- CP về tư vấn pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2010/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Tư pháp.	01/7/2025
11.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 12/2012/TT-BTP; ngày 07/11/2012; Ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
12.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 05/2020/TT-BTP; ngày 28/8/2020; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
			Khoản 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18.	Thông tư số 27/2025/TT- BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2020/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.	19/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
13.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 11/2020/TT-BTP; ngày 31/12/2020; Quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 11/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
14.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 05/2021/TT-BTP; ngày 24/6/2021; Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 05/2021/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
15.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 03/2024/TT-BTP; ngày 15/5/2024; Sửa đổi, bổ sung 08 Thông tư liên quan	Điều 3 (trừ trường hợp quy định tại các điểm 1, m khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 03/2024/TT-BTP).	Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 05/2025/TT-BTP quy định chi tiết một số điều và	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		đền thù tục hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp.		biện pháp thi hành Luật Công chứng. Lưu ý: - Sổ công chứng giao dịch được lập trước ngày Thông tư số 05/2025/TT-BTP có hiệu lực thi hành tiếp tục được sử dụng đến hết năm 2025, trừ trường hợp tổ chức hành nghề công chứng muốn lập sổ theo quy định của Thông tư số 05/2025/TT-BTP (khoản 2 Điều 27 Thông tư số 05/2025/TT-BTP).	
			Các mẫu: Mẫu TP-HGTM-01-sđ, Mẫu TP-HGTM-02-sđ, Mẫu TP-HGTM-03-sđ, Mẫu TP-HGTM-04-sđ, Mẫu TP-HGTM-05-sđ, Mẫu TP-HGTM-06-sđ, Mẫu TP-HGTM-07-sđ, Mẫu TP-HGTM-08-sđ, Mẫu TP-HGTM-09-sđ, Mẫu TP-HGTM-10-sđ, Mẫu TP-HGTM-11-sđ, Mẫu TP-HGTM-12-sđ, Mẫu TP-HGTM-13-sđ, Mẫu TP-HGTM-14-sđ, Mẫu TP-	Thay thế bằng các mẫu: Mẫu TP-HGTM-01, Mẫu TP-HGTM-02, Mẫu TP-HGTM-03, Mẫu TP-HGTM-04, Mẫu TP-HGTM-05, Mẫu TP-HGTM-06, Mẫu TP-HGTM-07, Mẫu TP-HGTM-08, Mẫu TP-HGTM-09, Mẫu TP-	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			HGTM-15-sđ, Mẫu TP-HGTM-16-sđ, Mẫu TP-HGTM-19-sđ, Mẫu TP-HGTM-20-sđ.	HGTM-10, Mẫu TP-HGTM-11, Mẫu TP-HGTM-12, Mẫu TP-HGTM-13, Mẫu TP-HGTM-14, Mẫu TP-HGTM-15, Mẫu TP-HGTM-16, Mẫu TP-HGTM-19, Mẫu TP-HGTM-20 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.	
			Điều 6	Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 43 Thông tư số 19/2024/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
16.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 19/2024/TT-BTP; ngày 31/12/2024; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản	Cụm từ “Số chứng minh nhân dân/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh cá nhân” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
17.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 05/2025/TT-BTP; ngày 15/5/2025; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng	Khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 24.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
			Các mẫu: Mẫu TP-CC-01, Mẫu TP- CC-02, Mẫu TP-CC-03, Mẫu TP- CC-04 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2025/TT-BTP.	Thay thế bằng các mẫu: Mẫu TP-CC-01, Mẫu TP- CC-02, Mẫu TP-CC-03, Mẫu TP-CC-04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
18.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 08/2025/TT-BTP; ngày 12/6/2025; Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước	Các mẫu: Mẫu số 01-PLII-CT, Mẫu số 03-PLII-CT, Mẫu số 05-PLII-CT, Mẫu số 08-PLII-CT, Mẫu số 09-PLII- CT, Mẫu số 10-PLII-CT, Mẫu số 11- PLII-CT, Mẫu số 12-PLII-CT, Mẫu số 13-PLII-CT, Mẫu số 14-PLII-CT, Mẫu số 15-PLII-CT, Mẫu số 16-PLII- CT, Mẫu số 17-PLII-CT, Mẫu số 18-	Thay thế bằng các mẫu: Mẫu số 01-PLII-CT, Mẫu số 03-PLII-CT, Mẫu số 05- PLII-CT, Mẫu số 08-PLII- CT, Mẫu số 09-PLII-CT, Mẫu số 10-PLII-CT, Mẫu số 11-PLII-CT, Mẫu số 12- PLII-CT, Mẫu số 13-PLII-	

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		của Bộ Tư pháp	PLII-CT, Mẫu số 19-PLII-CT, Mẫu số 20-PLII-CT, Mẫu số 21-PLII-CT, Mẫu số 22-PLII-CT, Mẫu số 26-PLII-CT.	CT, Mẫu số 14-PLII-CT, Mẫu số 15-PLII-CT, Mẫu số 16-PLII-CT, Mẫu số 17-PLII-CT, Mẫu số 18-PLII-CT, Mẫu số 19-PLII-CT, Mẫu số 20-PLII-CT, Mẫu số 21-PLII-CT, Mẫu số 22-PLII-CT, Mẫu số 26-PLII-CT tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	
I.2. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH BẢO ĐẢM VÀ BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC					
19.	Luật của Quốc hội	Số 10/2017/QH14; ngày 20/6/2017; Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Khoản 3 Điều 36.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” tại đoạn mở đầu khoản 1 Điều 53.	Thay thế bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
20.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 04/2018/TT-BTP; ngày 17/5/2018; Ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.	Cụm từ “chứng minh nhân dân” hoặc “CMND” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Thẻ Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
21.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 09/2019/TT-BTP; ngày 10/12/2019; Quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước	Cụm từ “chứng minh nhân dân” hoặc “CMND” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Thẻ Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
			Điều 5, Điều 7, Điều 8; khoản 3, khoản 5 Điều 14.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
22.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 08/2019/TT-BTP; ngày 10/12/2019; Quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.	Điều 28, Điều 29, Điều 30.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
I.3. LĨNH VỰC XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT					
23.	Luật của Quốc hội	Số 64/2025/QH15; ngày 19/2/2025; Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Điều 4; khoản 3 Điều 9; Điều 21; Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 29; khoản 1, điểm đ khoản 4 Điều 31; điểm b, điểm c khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 33; khoản 1, điểm e khoản 2, điểm đ khoản 4 Điều 34; khoản 1, điểm đ khoản 3, điểm e khoản 4 Điều 37; khoản 4 Điều 44; đoạn đầu điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 2 Điều 48; điểm c khoản 2 Điều 49; điểm đ khoản 2 Điều 50; khoản 5, điểm a khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 51; khoản 2 Điều 54; khoản 3 Điều 55;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			khoản 2 Điều 57; khoản 3 Điều 60; điểm b, c và d khoản 1 Điều 63; khoản 8 Điều 64.		
24.	Nghị định của Chính phủ	Số 78/2025/NĐ-CP; ngày 01/4/2025; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	Khoản 1, khoản 5 Điều 2; tên Điều 4, khoản 5 Điều 4; điểm c khoản 2, khoản 3 Điều 7; điểm d khoản 2 Điều 9; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10; khoản 2 Điều 15; khoản 1, khoản 3, khoản 5, khoản 7 Điều 16; điểm c khoản 1, khoản 2 Điều 18; khoản 1, khoản 3, điểm c khoản 5, khoản 7 Điều 19; Điều 21; khoản 2 Điều 22; điểm d khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 27; điểm đ khoản 1, khoản 3, điểm c khoản 5, điểm b, điểm đ khoản 7, khoản 8 Điều 28; Điều 32; Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 34; khoản 1, khoản 5 Điều 35; điểm d khoản 1, điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 36; điểm đ khoản 1, khoản 3, điểm b và điểm đ	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ- CP ngày 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ- CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ- CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			<p>khoản 7, khoản 8 Điều 37; khoản 3 và khoản 5 Điều 38; điểm b khoản 2 Điều 39; khoản 2, điểm b và điểm d khoản 5 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 1 và khoản 2 Điều 43; điểm d khoản 1, khoản 2, điểm đ khoản 3 Điều 44; khoản 1, điểm b và điểm c khoản 4, điểm b và điểm đ khoản 6 Điều 45; điểm b và điểm d khoản 3 Điều 47; điểm d khoản 1, khoản 2, điểm đ khoản 3 Điều 49; khoản 1 Điều 50; tên mục 4 Chương IV; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm b và điểm d khoản 5 Điều 53; tên Điều 54; điểm b và điểm d khoản 2 Điều 55; tên mục 5 Chương IV; khoản 1 Điều 58; khoản 1 Điều 68; điểm đ khoản 2 Điều 77.</p>		
			<p>Khoản 4 Điều 13; khoản 4 Điều 48; khoản 6 Điều 51; khoản 4 Điều 56; khoản 5 Điều 59.</p>	<p>Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.</p>	<p>01/7/2025</p>

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Cụm từ “báo cáo và” tại khoản 2 Điều 13; Cụm từ “(nếu có)” tại các điểm d khoản 7 Điều 28; điểm d khoản 7 Điều 37; điểm đ khoản 5 Điều 40; điểm d khoản 6 Điều 45; điểm đ khoản 3 Điều 47.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV.	Thay thế bằng Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
I.4. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP					
25.	Luật của Quốc hội	Số 24/2008/QH12; ngày 24/6/2014; Quốc tịch Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2014/QH13	Khoản 4 Điều 5; khoản 2, khoản 4 Điều 11; khoản 2 Điều 13; khoản 2 Điều 16; Điều 19; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 21; tên Điều 23, khoản 1, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 23; điểm d khoản 1 Điều 24; khoản 3 và khoản 4 Điều 25; điểm e khoản 1, khoản 2 Điều 28; khoản 4 và khoản 5 Điều 29; tên Mục 4 Chương III; Điều 33; Điều 34; khoản 1 Điều 35; Điều 36; Điều 38; khoản 2 Điều 39; khoản 4 và khoản 5 Điều 40; Điều 41.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 79/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Điểm e khoản 1 Điều 24; điểm d khoản 1 Điều 28.	Bị bãi bỏ bởi Luật số 79/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam.	01/7/2025
26.	Nghị định của Chính phủ	Số 19/2011/NĐ-CP; ngày 21/3/2011; Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 24/2019/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 3, Điều 5, Điều 6, Điều 7, khoản 1 Điều 10, khoản 5 Điều 13, khoản 1 Điều 15, khoản 1 và khoản 3 Điều 16, khoản 1 và khoản 2 Điều 17, Điều 19, khoản 3 Điều 20, Điều 22, khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 27, khoản 3 và khoản 4 Điều 29, Điều 33, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 34, Điều 35.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 06/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về nuôi con nuôi.	08/01/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại Điều 13, khoản 3 Điều 17, khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 18, khoản 2 Điều 20, khoản 3 và khoản 4 Điều 27, khoản 2 Điều 31, khoản 2 và khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 47.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Cụm từ “Lý lịch cá nhân” tại điểm g khoản 1 Điều 31.	Thay thế bằng cụm từ “Sơ yếu lý lịch tự thuật” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi thuộc Bộ Tư pháp (sau đây gọi là Cục Con nuôi)” tại điểm b khoản 3 Điều 4.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại điểm c khoản 3 Điều 4.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại điểm b khoản 2 Điều 14.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại khoản 3 Điều 30.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Điều 12.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
27.	Nghị định của Chính phủ	Số 114/2016/NĐ-CP; ngày 08/7/2016; Quy định lệ phí đăng ký nuôi con nuôi, lệ phí cấp giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài	Cụm từ “Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp)” tại khoản 2 và khoản 6 Điều 3.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi (Bộ Tư pháp)” tại khoản 3 Điều 5.	Thay thế bằng cụm từ “Văn phòng Bộ Tư pháp” tại Nghị định số 06/2025/NĐ-CP.	08/01/2025
28.	Nghị định của Chính phủ	Số 123/2015/NĐ-CP; ngày 15/11/2015; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch	Điều 1; khoản 1, khoản 2 Điều 2; tên Điều 3, khoản 1 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 9; khoản 4 Điều 22; khoản 2 Điều 23; khoản 3 Điều 30.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng	09/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				thực.	
			Khoản 1 Điều 10.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 07/2025/NĐ-CP.	09/01/2025
29.	Nghị định của Chính phủ	Số 87/2020/NĐ-CP; ngày 28/7/2020; Quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến	Khoản 2 Điều 2; khoản 2 Điều 8; Điểm c khoản 3 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều 13; khoản 7 Điều 19.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2025/NĐ- CP.	09/01/2025
30.	Nghị định của Chính phủ	Số 07/2025/NĐ-CP; ngày 09/01/2025; Về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực	Điều 1	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.	01/11/2025
			Điều 4	Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 191/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.	01/7/2025
31.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 10/2020/TT-BTP; ngày 28/12/2020; Ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi	Điều 3, Điều 5.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 10/2025/TT- BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2020/TT-BTP ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và	04/8/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP.		<p>lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 07/2023/TT-BTP.</p> <p>Lưu ý: Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư số 10/2025/TT-BTP có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì các mẫu giấy tờ nuôi con nuôi đã có trong hồ sơ vẫn tiếp tục có giá trị pháp lý theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023.</p>	
			Cụm từ “Bộ Tư pháp” tại khoản 5	Thay thế bằng cụm từ “Cục	04/8/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Điều 2 và khoản 3 Điều 7.	Hành chính tư pháp thuộc Bộ Tư pháp” tại Thông tư số 10/2025/TT-BTP.	
			Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 3 Điều 7.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 10/2025/TT-BTP.	04/8/2025
			Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3, Phụ lục 4 và Phụ lục 6.	Thay thế bằng các Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV và Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 10/2025/TT-BTP. Lưu ý: - Hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trong nước, hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi nước ngoài, hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì các mẫu giấy tờ nuôi con nuôi đã có trong hồ sơ vẫn tiếp tục có giá trị pháp lý	04/8/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				theo quy định tại Thông tư số 10/2020/TT-BTP được sửa đổi, bổ sung năm 2023.	
			Phụ lục 5.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 10/2025/TT-BTP .	04/8/2025
32.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 21/2011/TT-BTP; ngày 21/11/2011; Về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 11/2021/TT-BTP ngày 28/12/2021	Khoản 1 Điều 2; Điều 3; khoản 2 Điều 4; điểm a khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 6; khoản 1 Điều 10; khoản 1 Điều 11; khoản 4 Điều 13; khoản 1 Điều 15; Điều 18.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2025/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2011/TT-BTP về việc quản lý Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 11/2021/TT-BTP.	08/4/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại điểm b, điểm c và điểm e khoản 1 Điều 6, khoản 1 và khoản 2 Điều 8, khoản 4 Điều 9, khoản 2 Điều 13.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Thông tư số 01/2025/TT-BTP.	08/4/2025
			Cụm từ “Cục Con nuôi” tại điểm d khoản 1 Điều 6; khoản 2, khoản 3 Điều 9.	Thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư pháp” tại Thông tư số 01/2025/TT-BTP.	08/4/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
33.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 04/2020/TT-BTP; ngày 28/5/2020; Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ- CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.	Cụm từ “chứng minh nhân dân” hoặc “CMND” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2020/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Thẻ Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025
34.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 01/2022/TT-BTP; ngày 04/01/2022; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.	Cụm từ “chứng minh nhân dân” hoặc “CMND” tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ “Thẻ Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Căn cước điện tử/Giấy chứng nhận căn cước” tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
35.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 04/2024/TT-BTP; ngày 06/6/2024; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.	Điều 1; khoản 2 Điều 3.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTP ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. Lưu ý: Các mẫu sổ quốc tịch được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2020/TT-BTP ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 04/2024/TT-BTP được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/12/2025 (Điều 12 Thông tư số 12/2025/TT- BTP)	01/7/2025
I.5. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN, THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT, QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH					

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
36.	Luật của Quốc hội	Số 15/2012/QH13; ngày 25/6/2025; Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15 và Luật số 56/2024/QH15.	Điểm a khoản 1, điểm c khoản 1, Điều 6; điểm a khoản 1, điểm đ khoản 1, điểm i khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 1, khoản 3 Điều 52; Điều 53; khoản 1 Điều 54; Điều 56; khoản 1, điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 58; khoản 3 Điều 60; khoản 1 Điều 62; khoản 1 Điều 63; Điều 70; khoản 1 Điều 71; Điều 87; Điều 99; Điều 100; Điều 101; Điều 102; Điều 103; Điều 104; khoản 1 Điều 110; khoản 1 Điều 123; điểm a, điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 125; khoản 1 Điều 126.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.	01/7/2025
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại khoản 3 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 6; tên Điều 89; khoản 1 và khoản 2 Điều 89; tên Điều 90; khoản 7 Điều 90; khoản 3 và khoản 4 Điều 92; điểm b khoản 1 Điều 94; tên Điều 97; các khoản 1, 2 và 3 Điều 97; tên Điều 98; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 98; khoản 1 Điều 105; khoản 1 Điều 108; tên Điều 109; tên khoản 1 Điều 109; các điểm a và c khoản 1, khoản 3 Điều 109; khoản 1 Điều 114; Điều 117;	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			điểm a khoản 6 Điều 131; khoản 1 Điều 136.		
			Cụm từ “thực hiện lần cuối hành vi vi phạm” tại điểm d khoản 2 Điều 6.	Thay thế bằng cụm từ “thực hiện hành vi” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng” tại tên Điều 21.	Thay thế bằng cụm từ “Nguyên tắc quy định các hình thức xử phạt” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “03 ngày” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 62.	Thay thế bằng cụm từ “05 ngày làm việc” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự” tại khoản 3 Điều 62.	Thay thế bằng cụm từ “kể từ ngày quyết định không khởi tố vụ án hình sự có hiệu lực” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện” tại điểm b khoản 1 Điều 76, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 77.	Thay thế bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện” tại điểm b khoản 5 Điều 92, điểm d khoản 2 Điều 94, điểm b khoản 2 Điều 96, điểm a khoản	Thay thế bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			1, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 111.		
			Cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 3 Điều 118.	Thay thế bằng cụm từ “Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “tạm giữ” tại khoản 3 Điều 126.	Thay thế bằng cụm từ “tạm giữ” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 2 Điều 129.	Thay thế bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 1 Điều 113, điểm b khoản 2 Điều 131.	Thay thế bằng cụm từ “cơ quan Công an cấp xã” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ” tại khoản 3 Điều 132.	Thay thế bằng cụm từ “cơ quan Công an cấp xã nơi lập hồ sơ” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” tại khoản 2 Điều 105, khoản 3 Điều 112, khoản 3 Điều 132.	Thay thế bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 3 Điều 112, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 115, Điều	Thay thế bằng cụm từ “Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại Luật số	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			117, khoản 3 Điều 118, khoản 2 Điều 132.	88/2025/QH15.	
			Cụm từ “trực thuộc trung ương” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 23, khoản 5 Điều 122, điểm a khoản 2 Điều 131; cụm từ “đoạn 1” tại khoản 1 Điều 57; cụm từ “Công an cấp huyện hoặc” tại khoản 2 Điều 97; cụm từ “hoặc cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị” tại Điều 107; cụm từ “cấp huyện” tại khoản 3 Điều 111, khoản 2 Điều 113, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 132; cụm từ “cùng cấp” tại khoản 3 Điều 113.	Bị bãi bỏ bởi Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
			Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 43a, Điều 44, Điều 45, Điều 45a, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 48a, Điều 49, Điều 51 và khoản 2 Điều 71.	Bị bãi bỏ bởi Luật số 88/2025/QH15.	01/7/2025
37.	Nghị định của Chính phủ	Số 19/2020/NĐ-CP; ngày 12/02/2020; Kiểm tra, xử lý kỷ	Điều 6; khoản 1 và khoản 2 Điều 8; điểm c khoản 3 Điều 11; khoản 2 Điều 12; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một	15/6/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	13; khoản 2 Điều 14; các khoản 1, 2, 3,5 và 6 Điều 15; đoạn mở đầu của khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 17; khoản 1 Điều 18; Điều 20; khoản 6 Điều 21; Điều 22; Điều 23; Điều 24; Điều 25; Điều 26; Điều 27; Điều 28; Điều 29.	số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	
			Điều 19.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 93/2025/NĐ-CP.	15/6/2025
38.	Nghị định của Chính phủ	Số 120/2021/NĐ-CP; ngày 24/12/2021; Quy định chế độ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn	Điểm b khoản 2 Điều 41; khoản 3 Điều 49.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại tên Nghị định, Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, tên Chương II, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, tên Chương III, tên Mục 1 Chương III, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41, Điều 42, Điều 43, Điều 46, Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52 và Điều 53.		
			Cụm từ “xã phường thị trấn” tại tên Điều 53.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “xã phường, thị trấn” tại điểm đ khoản 1 Điều 50.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “xã, phường thị trấn” tại tên Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 23.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “đơn vị dân cư ở cơ sở gồm: Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, ấp, bản, buôn, làng, phum, sóc và các	Thay thế bằng cụm từ “thôn, tổ dân phố gồm: Trưởng thôn, Tổ trưởng	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			đơn vị tương đương” tại điểm c khoản 1 Điều 13.	Tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “dân cư ở cơ sở” tại điểm d khoản 2 Điều 22, điểm e khoản 2 Điều 31.	Thay thế bằng cụm từ “thôn, tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “đơn vị dân cư ở cơ sở” tại điểm a khoản 4 Điều 13, khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 3 Điều 34.	Thay thế bằng cụm từ “thôn, tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Công an cấp huyện hoặc” tại khoản 3 Điều 14, khoản 7 Điều 17; cụm từ “Công an cấp huyện,” tại điểm b khoản 6 Điều 17.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại tên Phụ lục, bảng Phụ lục, Mẫu đề nghị số 01, Mẫu đơn số 01, Mẫu đơn số 02, Mẫu đơn số 03, Mẫu đơn số 04, Mẫu thông báo số 01, Mẫu thông báo số 02, Mẫu báo cáo số 01, Mẫu bản cam kết số 01, Mẫu kế hoạch số 01, Mẫu biên bản số 01, Mẫu biên bản số 02, Mẫu biên bản số 03, Mẫu quyết định số 01, Mẫu quyết định số 02, Mẫu quyết định số 03, Mẫu quyết định số 05, Mẫu quyết định số 07, Mẫu quyết định số 08, Mẫu quyết định số 09, Mẫu quyết	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			định số 10, Mẫu quyết định số 11, Mẫu quyết định số 12, Mẫu bản tường trình số 01, Mẫu tóm tắt lý lịch số 01, Mẫu giấy triệu tập số 01, Mẫu sổ theo dõi số 01, Mẫu giấy chứng nhận số 01, Mẫu giấy chứng nhận số 02.		
			Cụm từ “xã, phường thị trấn” tại Mẫu biên bản số 01.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “xã/phường/thị trấn” tại phần chú giải (4) của Mẫu đề nghị số 01, tại phần chú giải (4), (5) của Mẫu đề nghị số 02, tại phần chú giải (1), (3) của Mẫu đơn số 01, tại phần chú giải (1), (5) của Mẫu đơn số 02, tại phần chú giải (1), (3) của Mẫu đơn số 03, tại phần chú giải (1), (5) của Mẫu đơn số 04, tại phần chú giải (7) của Mẫu thông báo số 01, tại phần chú giải (4) của Mẫu thông báo số 02, tại phần chú giải (1) của Mẫu báo cáo số 01, tại phần chú giải (1), (4) của Mẫu bản cam kết số 02, tại phần chú giải (3) của Mẫu kế hoạch số 01, tại phần chú giải (4) của Mẫu kế hoạch số 02, tại	Thay thế bằng cụm từ “xã/phường/đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			phần chú giải (1), (3) của Mẫu biên bản số 01, tại phần chú giải (1), (3) của Mẫu biên bản số 02, tại phần chú giải (3) của Mẫu biên bản số 03, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 01, tại phần chú giải (5) của Mẫu quyết định số 02, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 03, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 04, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 05, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 06, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 07, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 08, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 09, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 10, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 11, tại phần chú giải (1) của Mẫu quyết định số 12, tại phần chú giải (1), (3) của Mẫu giấy triệu tập số 01, tại phần chú giải (1), (2) của Mẫu sổ theo dõi số 01, tại phần chú giải (1) của Mẫu giấy chứng nhận số 01 và tại phần chú giải (1) của Mẫu giấy chứng nhận số 02.		

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Cụm từ “xã phường thị trấn” tại phần chú giải (4) của Mẫu quyết định số 06.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Căn cứ Nghị định số:/2021/NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn” tại phần căn cứ ban hành của các Mẫu quyết định số 01, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12.	Thay thế bằng cụm từ “Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020; Căn cứ Nghị định số:/2021/NĐ-CP ngày	Thay thế bằng cụm từ “Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn tại phần căn cứ ban hành của Mẫu quyết định số 02.	tháng 11 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 25 tháng 6 năm 2025; Căn cứ Nghị định số 120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, đặc khu; Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ và Nghị định số	

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				120/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “đơn vị dân cư ở cơ sở: Tổ dân phố/thôn/ấp/bản/buôn/làng/phum/sóc và các đơn vị tương đương” tại phần chú giải (4) của Mẫu biên bản số 01, tại phần chú giải (5) của Mẫu biên bản số 02.	Thay thế bằng cụm từ “thôn, tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “đơn vị dân cư ở cơ sở” tại phần chú giải (1) và (5) của Mẫu đề nghị số 01, tại phần chú giải (8) của Mẫu thông báo số 01, tại phần chú giải (8) của Mẫu thông báo số 02.	Thay thế bằng cụm từ “thôn, tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu” tại Mẫu đề nghị số 02; Mẫu đơn số 01; Mẫu đơn số 02; Mẫu đơn số 03; Mẫu đơn số 04; Mẫu thông báo số 01; Mẫu thông báo số 02; Mẫu báo cáo số 01; Mẫu bản cam kết số 01; Mẫu bản cam kết số 02;	Thay thế thành cụm từ “Số định danh cá nhân/Hộ chiếu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Mẫu bản tường trình số 01; Mẫu tóm tắt lý lịch số 01.		
			Cụm từ “Số định danh cá nhân/CMND/Hộ chiếu số” tại Mẫu đề nghị số 01; Mẫu kế hoạch số 01; Mẫu kế hoạch số 02; Mẫu biên bản số 01; Mẫu biên bản số 02; Mẫu quyết định số 01; Mẫu quyết định số 03; Mẫu quyết định số 04; Mẫu quyết định số 05; Mẫu quyết định số 06; Mẫu quyết định số 07; Mẫu quyết định số 08; Mẫu quyết định số 09; Mẫu giấy triệu tập số 01; Mẫu giấy chứng nhận số 01; Mẫu giấy chứng nhận số 02.	Thay thế thành cụm từ “Số định danh cá nhân/Hộ chiếu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “cơ quan Công an cấp huyện hoặc” tại phần chú giải (1) và (2) của Mẫu đề nghị số 02, tại phần chú giải (1), (2) và (5) của Mẫu thông báo số 01, tại phần chú giải (1), (2) và (5) của Mẫu thông báo số 02, tại phần chú giải (1) của Mẫu biên bản số 03, tại phần chú giải (1) và (2) của Mẫu tóm tắt lý lịch số 01.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh,” tại phần chú giải (3) của	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Mẫu đơn số 01, phần chú giải (5) của Mẫu đơn số 02, phần chú giải (3) của Mẫu đơn số 03, phần chú giải (5) của Mẫu đơn số 04, phần chú giải (7) của Mẫu thông báo số 01, phần chú giải (4) của Mẫu bản cam kết số 02, phần chú giải (3) của Mẫu biên bản số 03, phần chú giải (3) của Mẫu giấy triệu tập số 01, phần chú giải (1) của Mẫu sổ theo dõi số 01.		
			Cụm từ “quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh;” tại phần chú giải (1) của Mẫu biên bản số 01, phần chú giải (1) của Mẫu biên bản số 02.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Trưởng Công an quận B/” tại phần chú giải (5) của Mẫu thông báo số 01, phần chú giải (5) của Mẫu thông báo số 02.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
39.	Nghị định của Chính phủ	Số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính	Khoản 2 Điều 4; Điều 9; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 16; Điều 22; Điều 24; khoản 1 Điều 31; điểm a, b, c khoản 2 Điều 35; điểm d, điểm đ khoản 1, điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 37.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ- CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật	02/5/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				Xử lý vi phạm hành chính.	
			Cụm từ “và trật tự, an toàn xã hội” tại điểm c khoản 3 Điều 5; cụm từ “ma túy,” và “vật thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành,” tại khoản 6 Điều 5; “, Bảo hiểm xã hội Việt Nam” tại các khoản 2 và 3 Điều 31, khoản 1 Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 36, tên Điều 37, tên khoản 1 Điều 37, điểm e khoản 1 Điều 37 và tên khoản 2 Điều 37; cụm từ “Bảo hiểm xã hội Việt Nam,” tại điểm a khoản 2 Điều 37; khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 17 và điểm b khoản 2 Điều 37.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.	02/5/2025
			Cụm từ “các khoản 1, 2, và 5 Điều 37” tại khoản 1 Điều 38.	Thay thế bằng cụm từ “khoản 1, các điểm a và d khoản 2, khoản 5 Điều 37” tại Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.	02/5/2025
			Các mẫu Quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 tại “Phụ lục một số	Thay thế bằng các mẫu quyết định số 01, mẫu quyết định số 02, mẫu quyết định số 11, mẫu quyết định số 38, mẫu quyết định số 39, mẫu quyết định số 40, mẫu	02/5/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính” ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP.	biên bản số 01, mẫu biên bản số 05 và mẫu biên bản số 27 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.	
40.	Nghị định của Chính phủ	Số 118/2021/NĐ-CP; ngày 23/12/2021; Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP	Khoản 9 Điều 9; Điều 11; khoản 9 Điều 12; điểm a khoản 2 Điều 39.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 120/2021/NĐ-CP. Lưu ý: Trường hợp cơ quan, đơn vị đã in và phát hành các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ- CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ, thì được tiếp tục sử dụng đồng thời với các biểu mẫu được sửa đổi, bổ sung, thay thế theo quy định của Nghị định này đến hết ngày 15 tháng 8 năm 2025.	
			Cụm từ “Điều 156” tại khoản 1 Điều 7.	Thay thế bằng cụm từ “Điều 58” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Điều 24 Nghị định này” tại điểm a khoản 5 Điều 12.	Thay thế bằng cụm từ “Điều 52 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Điều 4 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				phạm hành chính” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “các khoản 3 và 4 Điều 24 Nghị định này” tại điểm b khoản 5 Điều 12.	Thay thế bằng cụm từ “khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại các điểm a, c, đ, g1 khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 2 Điều 37.	Thay thế bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “trưởng thôn, làng, ấp, bản, bon, buôn, phum, sóc, tổ dân phố” tại điểm đ khoản 4a Điều 41	Thay thế bằng cụm từ “trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP	01/7/2025
			Cụm từ “quy định tại Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 và Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; cụm từ “theo quy định tại điểm đ khoản 5 và khoản 7 Điều 39 Luật Xử lý vi phạm hành chính” tại khoản 5 Điều 6; cụm từ “5 Điều” tại điểm c khoản 5 Điều 12;	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			cụm từ “và khoản 2” tại khoản 1 Điều 22; cụm từ “chuyên ngành” tại điểm a khoản 1 Điều 27; cụm từ “, Ủy ban nhân dân cấp huyện” tại khoản 1 Điều 32 và điểm b khoản 2 Điều 39.		
			Khoản 10 Điều 12; Điều 24; khoản 4 Điều 31.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020)” tại phần căn cứ của các mẫu quyết định.	Thay thế bằng cụm từ “Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025)” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020)” tại phần chú thích của các mẫu quyết định và các mẫu biên bản, trừ Mẫu biên bản số 01 và Mẫu biên bản số 05.	Thay thế bằng cụm từ “Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020 và năm 2025)” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “Số định danh cá nhân/CMND/HỘ chiếu” tại các Mẫu quyết định số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 12a, 12b, 12c, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33 và	Thay thế thành cụm từ “Số định danh cá nhân/Hộ chiếu” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			42; các Mẫu biên bản số 02, 03, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 26 và 27.		
			Cụm từ “Căn cứ Biên bản số:..../BB-TG lập ngày..../..../. tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề” tại Mẫu quyết định số 20, Mẫu biên bản số 16 và Mẫu biên bản số 26.	Thay thế bằng cụm từ “Căn cứ Biên bản Số:..../BB-TG lập ngày.../.../. tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề/Biên bản vi phạm hành chính số :.../BB-VPHC lập ngày.../.../...” tại Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Mẫu biên bản số 01 và Mẫu biên bản số 05 tại “Phụ lục một số biểu mẫu trong xử phạt vi phạm hành chính” ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 68/2025/NĐ-CP.	Thay thế bằng Mẫu biên bản số 01 và Mẫu biên bản số 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 190/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
41.	Nghị định của Chính phủ	Số 79/2025/NĐ-CP; ngày 01/4/2025;	Khoản 3 Điều 2; Điều 4; tên Điều 11, khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12;	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật	khoản 1 và khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 5, khoản 7 Điều 20; khoản 3, khoản 4 và khoản 8 Điều 24; khoản 3 Điều 25; khoản 1 Điều 28; điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 6 Điều 38; Điều 39; khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều 43; khoản 1 Điều 46; khoản 7 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 53; khoản 5 Điều 56; điểm a khoản 1 Điều 58.	CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.	
			Cụm từ “Phòng Tư pháp” tại điểm c khoản 3 Điều 18; cụm từ “Trưởng Phòng Tư pháp” tại khoản 7 Điều 24; khoản 6 Điều 20; khoản 2 và khoản 3 Điều 60.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
			Cụm từ “các cấp” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16.	Thay thế bằng cụm từ “cấp tỉnh” tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	01/7/2025
42.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 01/2023/TT-BTP; ngày 16/1/2023; Quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi	Khoản 2 Điều 1; điểm a, điểm b khoản 3; Điều 8.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 19/2025/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2023/TT-BTP quy định	16/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		phạm hành chính.		chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	
			Mẫu đề cương Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, biểu mẫu số 01 về bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính, biểu mẫu số 02 về bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại “Phụ lục mẫu đề cương báo cáo và biểu mẫu tổng hợp số liệu báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.	Thay thế bằng mẫu đề cương Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, biểu mẫu số 01 về bảng tổng hợp số liệu báo cáo về xử phạt vi phạm hành chính, biểu mẫu số 02 về bảng tổng hợp số liệu báo cáo về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính ban hành kèm theo Thông tư số 19/2025/T-BTP.	16/12/2025
I. 6. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ					
43.	Luật của Quốc hội	Số 11/2017/QH14; ngày 20/6/2017; Trợ giúp pháp lý	Bãi bỏ điểm g khoản 7 Điều 7.	Bị bãi bỏ bởi Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15	01/7/2025
44.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 10/2016/TT-BTP; ngày 22/7/2016; Quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.	Điểm d khoản 1 Điều 7; khoản 3 Điều 7.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
			Khoản 3 Điều 2; khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 3; khoản 2, khoản 3, khoản	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			4, khoản 5 và khoản 6 Điều 4; Điều 5; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 6.		
			Cụm từ “Phòng Tư pháp (đối với cơ quan, tổ chức cấp huyện)” tại điểm c khoản 1 Điều 7; cụm từ “Phòng Tư pháp” tại khoản 2 Điều 8 và khoản 3 Điều 9; cụm từ “đề nghị” tại điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 7 và khoản 1 Điều 8.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
45.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 08/2017/TT-BTP; ngày 15/11/2017; Quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý	Điểm a khoản 3, khoản 5, khoản 13 Điều 33.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
			Khoản 11 Điều 33.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
46.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 12/2018/TT-BTP; ngày 28/8/2018; Hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý	Mẫu số 01-TP-TGPL.	Thay thế bằng Mẫu số 01-TP-TGPL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
47.	Thông tư liên tịch giữa Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Số 10/2018/TTLT- BTP-BCA-BQP- BTC-TANDTC- VKSNDTC ngày 29/6/2018; Quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng	Điểm b và c khoản 2, khoản 4 Điều 3; điểm a và b khoản 1, khoản 2 Điều 7; khoản 4 Điều 8; điểm a khoản 2 Điều 10; Điều 22; khoản 4 Điều 23.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP- BCA-BQP-BTC- TANDTC-VKSNDTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP- BCA-BQP-BTC- TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018.	31/12/2025
			Cụm từ “hoặc phương tiện khác có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” tại khoản 3 Điều 3.	Thay thế bằng cụm từ “hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” tại Thông tư liên tịch số	31/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				29/2025/TTLT- BTP- BCA-BQP-BTC- TANDTC-VKSNDTC.	
			Cụm từ “hoặc USB có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” tại điểm b khoản 2 Điều 23.	Thay thế bằng cụm từ “USB hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” tại Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT- BTP- BCA-BQP-BTC- TANDTC-VKSNDTC.	31/12/2025
			<ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ “Trưởng nhà tạm giữ, Phó Trưởng nhà tạm giữ và người làm nhiệm vụ quản giáo trong nhà tạm giữ” tại khoản 4 Điều 2; - Cụm từ “Hộp tin trợ giúp pháp lý; tờ gấp pháp luật” tại điểm a khoản 2 Điều 3 và điểm b khoản 2 Điều 23; - Điểm c khoản 1 Điều 7; - Chương V; - Cụm từ “cho thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương, 	Bị bãi bỏ bởi Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT- BTP- BCA-BQP-BTC- TANDTC-VKSNDTC.	31/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			địa phương và thành viên Tổ giúp việc cho Hội đồng” tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 23; - Điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 23; Điều 24.		
			Các mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06A, 06B, 06C ban hành kèm theo Thông tư.	Thay thế bằng các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06A, 06B, 06C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC.	31/12/2025
48.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 03/2021/TT-BTP; ngày 25/5/2021; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư số 12/2018/TT-	Mẫu số 12-TP-TGPL.	Thay thế bằng Mẫu số 12-TP-TGPL tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		BTP ngày 28/8/2018 hướng dẫn một số hoạt động nghiệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý			
			Khoản 5 Điều 2	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
49.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 05/2022/TT-BTP; ngày 05/9/2022; Quy định mã số, tiêu chuẩn và xếp lương đối với chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý	Điểm d khoản 2 Điều 5; điểm d khoản 2 Điều 6.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
50.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 10/2023/TT-BTP; ngày 29/12/2023; Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp	Cụm từ "Số CMND/Số thẻ căn cước công dân/Số định danh" tại các biểu mẫu được ban hành kèm theo Thông tư số 10/2023/TT-BTP.	Được điều chỉnh thành cụm từ "Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân" tại Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý và Thông tư số 12/2018/TT- BTP ngày 28 tháng 8 năm 2018 hướng dẫn một số hoạt động nghịệp vụ trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý			
51.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 09/2024/TT-BTP; ngày 06/9/2024; Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trợ giúp viên pháp lý	Điều 5.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 11/2025/TT-BTP.	01/7/2025
I.7. LĨNH VỰC PHÁP LUẬT DÂN SỰ - KINH TẾ					
52.	Luật của Quốc hội	Số 52/2014/QH13 ngày 19/6/2014; Hôn nhân và gia đình	Cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” tại khoản 3 Điều 123.	Thay thế bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				nhân dân.	
I.8. LĨNH VỰC PHÁP LUẬT QUỐC TẾ					
53.	Luật của Quốc hội	Số 08/2007/QH12; ngày 21/11/2007; Tương trợ tư pháp	Điều 38; khoản 1 Điều 39; Điều 40; khoản 1 Điều 42; khoản 2 Điều 43; khoản 1 Điều 44; Điều 45; Điều 54; Điều 55; Điều 56; Điều 68.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.	01/7/2025
			Khoản 2 Điều 63.	Bị bãi bỏ bởi Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.	01/7/2025
54.	Thông tư liên tịch của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao	Số 12/2016/TTLT- BTP-BNG- TANDTC; ngày 19/10/2016; Quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.	Điều 10, khoản 1 Điều 17, Mẫu số 01, Mẫu số 02A.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 13/2025/TTLT-BTP- BNG-TANDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP- BNG-TANDTC quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự. Lưu ý: - Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-	01/9/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
				TANDTC quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự tiếp tục được áp dụng đối với ủy thác tư pháp của Việt Nam và ủy thác tư pháp của nước ngoài được lập, tiếp nhận trước ngày Thông tư liên tịch số 13/2025/TTLT-BTP-BNG-TANDTC có hiệu lực.	
			Cụm từ “cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh” tại điểm b khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 8.	Thay thế bằng cụm từ “cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố” tại Thông tư liên tịch số 13/2025/TTLT-BTP-BNG-TANDTC.	01/9/2025
I.9. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ					
55.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 04/2022/TT-BTP; ngày 21/6/2022; Hướng dẫn về hội đồng quản lý và tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên hội đồng	Điểm b khoản 1 Điều 2.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực tổ chức cán bộ và thông tư có liên quan thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		quản lý trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Tư pháp		pháp.	
			Khoản 1 Điều 5.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
56.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 07/2022/TT-BTP; ngày 01/11/2022; Quy định tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp	Điều 1.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
57.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 02/2023/TT-BTP; ngày 29/6/2023; Quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tư pháp	- Điểm c khoản 2 Điều 1 và quy định liên quan đến vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Tư pháp đối với “cấp huyện”, “Hội đồng nhân dân huyện”, “Ủy ban nhân dân huyện”, “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện”, “Phòng Tư pháp” tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục IX; - Cụm từ “lý lịch tư pháp” tại mục V Phụ lục I và cụm từ “lý lịch tư pháp” tại mục 1 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên cao cấp về hành chính tư	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			<p>pháp, chuyên viên chính về hành chính tư pháp, chuyên viên về hành chính tư pháp tại Phụ lục VI; điểm 6 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên cao cấp về hành chính tư pháp tại Phụ lục VI; điểm 5 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên chính về hành chính tư pháp tại Phụ lục VI; điểm 5 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên về hành chính tư pháp tại Phụ lục VI.</p> <p>- Cụm từ “thanh tra chuyên ngành lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực” tại điểm 1 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên cao cấp về hành chính tư pháp; bãi bỏ cụm từ “chuyên ngành” tại điểm 1 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên chính về hành chính tư pháp, chuyên viên về hành chính tư pháp tại Phụ lục VI.</p>		
			Cụm từ “Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật” tại tiểu mục 5.1 mục 5 Bản mô tả vị trí việc làm	Sửa đổi thành “Đối với Bộ Tư pháp: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			chuyên viên cao cấp về xây dựng pháp luật, chuyên viên chính về xây dựng pháp luật, chuyên viên về xây dựng pháp luật tại Phụ lục II.	Luật, chuyên ngành khác phù hợp”; Đối với các Sở Tư pháp: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại mục 1; điểm 8, 9 tiểu mục 2.5 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên cao cấp về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật, chuyên viên chính về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật, tại mục 1; điểm 7, 8 tiểu mục 2.5 mục 2 và điểm 9 tiểu mục 2.5 mục 2 (Hoặc đối với cấp tỉnh) Bản mô tả vị trí việc làm chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, tiếp cận pháp luật tại Phụ lục III.	Thay thế thành “xã, phường, đặc khu” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thi hành án dân sự” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Cục Quản lý Thi hành án dân sự” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại	Thay thế thành “Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố”	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Phụ lục IX.	tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	
			Cụm từ “Chi cục Thi hành án dân sự”, “Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện”, “Chi cục Thi hành án dân sự trực thuộc Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Phòng Thi hành án dân sự khu vực” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Vụ trưởng và tương đương thuộc Tổng cục Thi hành án dân sự” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Trưởng ban và tương đương thuộc Cục Quản lý Thi hành án dân sự” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Chi cục trưởng” tại Phụ lục IX.	Thay thế thành “Trưởng Phòng Thi hành án dân sự khu vực” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “Phó Chi cục trưởng” tại Phụ	Thay thế thành “Phó	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			lục IX.	Trưởng Phòng Thi hành án dân sự khu vực” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	
58.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 06/2023/TT-BTP ngày 18/9/2023; Hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực tư pháp	Điều 1; khoản 2 Điều 4.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			- Các vị trí việc làm lý lịch tư pháp hạng I, lý lịch tư pháp hạng II, lý lịch tư pháp hạng III tại Phụ lục II; - Bản mô tả công việc của các vị trí việc làm lý lịch tư pháp hạng I, lý lịch tư pháp hạng II, lý lịch tư pháp hạng III tại Phụ lục VI; - Cụm từ “thanh tra” tại điểm 1 tiểu mục 2.2 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm công chứng viên tại Phụ lục VIII.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
			Cụm từ “xã, phường, thị trấn” tại điểm 1 tiểu mục 2.2 mục 2 Bản mô tả vị trí việc làm công chứng viên tại Phụ lục VIII.	Thay thế thành “xã, phường, đặc khu” tại Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	
59.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Thông tư số 09/2025/TT-BTP; ngày 16/6/2025; Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư	Điểm a khoản 3 Điều 6; khoản 7 Điều 11; điểm b, điểm c khoản 5 Điều 13; điểm a khoản 1 Điều 15.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp			
60.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 11/2025/TT-BTP; ngày 25/6/2025; Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp	Số thứ tự và tên của Điều 10; số thứ tự và tên của Điều 11.	Được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2025/TT-BTP.	01/12/2025
I.10. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ					
61.	Luật của Quốc hội	Số 26/2008/QH12; ngày 14/11/2008; Thi hành án dân sự Được sửa đổi, bổ sung một số điều	Điều 35; điểm đ khoản 1 Điều 48, khoản 1 Điều 63, Điều 170.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		theo Luật số 64/2014/QH13, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 03/2022/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 59/2024/QH15	Cụm từ “Thanh tra việc sử dụng ngân sách, việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, thực hiện chế độ chính sách đối với công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống tổ chức thi hành án dân sự;” tại điểm e khoản 1 Điều 167.	nhân dân số 34/2024/QH15. Bị bãi bỏ bởi Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.	 01/7/2025
62.	Nghị định của Chính phủ	Số 62/2015/NĐ-CP; ngày 18/7/2015; Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ.	Điểm b khoản 3 Điều 4; khoản 4 Điều 5; khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 27; khoản 2 Điều 28; điểm e khoản 1 Điều 43; khoản 2 và khoản 3 Điều 56; khoản 3 Điều 66; khoản 1 Điều 69; khoản 1, khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 78.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 152/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ- CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 33/2020/NĐ- CP.	01/01/2025
			Điểm c khoản 2 Điều 24.	Bị bãi bỏ bởi Nghị định số 152/2024/NĐ-CP.	01/01/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
63.	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Số 02/2017/TT-BTP; ngày 23/3/2017; Hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2018/TT-BTP; bãi bỏ một số điều bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP và Thông tư số 12/2024/TT-BTP.	Điều 52; khoản 2 Điều 54; Điều 57; Điều 58; khoản 3, khoản 4 Điều 59.	Được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 21/2025/TT-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT- BTP hướng dẫn một số nội dung quản lý công chức, viên chức, người lao động thuộc hệ thống tổ chức thi hành án dân sự; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 18/2018/TT-BTP; bãi bỏ một số điều bởi Thông tư số 06/2021/TT-BTP và Thông tư số 12/2024/TT- BTP.	11/11/2025
			Cụm từ “Tổng cục Thi hành án dân sự” tại khoản 4 Điều 1; khoản 1 Điều 2; khoản 1, 2 Điều 51; điểm b, c và d khoản 1 Điều 53; khoản 2 Điều 55; khoản 5 Điều 56; khoản 1 Điều 60 và điểm a khoản 1 Điều 67.	Thay thế bằng cụm từ “Cục Quản lý Thi hành án dân sự” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Cụm từ “Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự” tại khoản 1 Điều	Thay thế bằng cụm từ “Cục trưởng Cục Quản lý Thi	11/11/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			53, khoản 3 Điều 61, khoản 1 Điều 62 và cụm từ “Tổng Cục trưởng” tại khoản 5 Điều 56.	hành án dân sự” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	
			Cụm từ “Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự” tại điểm a khoản 1 Điều 67.	Thay thế bằng cụm từ “Phó Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Cụm từ “Vụ Tổ chức cán bộ” tại điểm d khoản 1 Điều 53, điểm a khoản 1 Điều 67.	Thay thế bằng cụm từ “Ban Tổ chức cán bộ” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Cụm từ “Cục Thi hành án dân sự” tại khoản 4 Điều 1; khoản 1, khoản 3 Điều 56; cụm từ “Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh” tại khoản 2 Điều 2 và cụm từ “Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 1 Điều 60, khoản 1 Điều 61.	Thay thế bằng cụm từ “Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Cụm từ “Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự” tại khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 53; khoản 4, khoản 5 điều 56; điểm b khoản 1 Điều 67 và cụm từ “Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” tại khoản 3 Điều 61.	Thay thế bằng cụm từ “Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
			Cụm từ “01 Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự” tại điểm b khoản 1 Điều 67.	Thay thế bằng cụm từ “01 Trưởng phòng Phòng Thi hành án dân sự khu vực” tại Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Cụm từ: “Chi cục Thi hành án dân sự” tại khoản 4 Điều 1; “Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện” tại khoản 2 Điều 2; cụm từ “trực thuộc Trung ương” tại điểm c khoản 1 Điều 55, khoản 3 Điều 61.	Bị bãi bỏ bởi Thông tư số 21/2025/TT-BTP.	11/11/2025
			Chương V	Bị bãi bỏ bởi Thông tư 22/2025/TT-BTP quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, thẻ Chấp hành viên, thẻ Thẩm tra viên trong hệ thống thi hành án dân sự.	29/12/2025
I.11. LĨNH VỰC KHÁC					
64.	Nghị quyết của Quốc hội	Số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà	Điều 8.	Hết hiệu lực theo quy định tại Điều 2 Luật số 88/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.	01/7/2025

STT	Tên loại văn bản, cơ quan ban hành	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Lý do hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực	Ngày hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực
		nước			
Tổng số (I): 64 văn bản.					
II. VĂN BẢN TẠM NGỪNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: Không có					